

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 24-02-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vũ

Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022. giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1981 (Xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: số nhà 122/2 ấp XT, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre

**** Bị đơn:*** Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: số nhà 223/1 ấp QK, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày:***

Vào ngày 21/3/2020 ông Đỗ Văn Đ có hỏi vay tôi số tiền 120.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, lãi xuất vay do 02 bên thỏa thuận. Ông Đ hứa đến ngày 31/3/2020 sẽ trả cho tôi tiền vốn và lãi, nhưng đến hạn trả ông Đ không trả tiền gốc và tiền lãi cho tôi theo cam kết, nên tôi nhiều lần đến nhà yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ vẫn không trả nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi.

Trước đây nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú giải quyết buộc ông Đỗ Văn Đ có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi 13.944.000 đồng (từ ngày 21/3/2020 đến ngày 21/5/2021), tổng cộng 133.944.000 đồng và đồng thời tôi yêu cầu ông Đ phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 22/5/2021 với lãi xuất 0.83%/tháng đối với số tiền gốc 120.000.000 đồng cho đến khi nào giải quyết xong vụ án.

Nay tôi chỉ yêu cầu ông Đỗ Văn Đ có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01/4/2020 với lãi xuất 0.83%/tháng đối với số tiền gốc 120.000.000 đồng cho đến khi nào giải quyết xong vụ án.

*Bị đơn ông Đỗ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn ông Đỗ Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ, nhiều lần vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T về việc buộc ông Đỗ Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/4/2020 đến ngày 24/02/2022 với lãi xuất 0.83%/tháng là 22.708.800 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kim T vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn ông Đỗ Văn Đ có nơi cư trú tại huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Đỗ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bà T và ông Đ là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Khi khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Kim T có cung cấp cho Tòa án hợp đồng vay cá nhân ngày 28/02/2020 (al) có nội dung ông Đỗ Văn Đ vay bà T số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Đỗ Văn Đ các văn bản tố tụng và hợp đồng vay cá nhân trên nhưng ông Đ không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T và ý kiến của ông đối với hợp đồng vay cá nhân trên, không đưa chứng cứ để chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 21/3/2020 ông Đ có vay bà T số tiền 120.000.000 đồng và thỏa thuận đến ngày 31/3/2020 sẽ trả cho bà T tiền vốn và lãi nhưng sau đó ông Đ không thực hiện nên yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận. Lãi suất được tính như sau:

- Từ ngày 10/4/2020 đến ngày 22/02/2022 là 22 tháng 24 ngày. Nên lãi suất là: Số tiền gốc 120.000.000 đồng x 0,83% x 22 tháng 24 ngày = 22.708.800 đồng.

[4] Hợp đồng vay tiền của bà Lê Thị Kim T với ông Đỗ Văn Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên hợp pháp. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 120.000.000 đồng và tiền lãi 22.708.800 đồng. Tổng cộng là 142.708.800 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim T được chấp nhận, nên ông Đỗ Văn Đ phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T.

Buộc ông Đỗ Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kim T số tiền 142.708.800 đồng [một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm lẻ tám nghìn tám trăm đồng (trong đó: Tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi 22.708.800 đồng)].

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn Đ phải có nghĩa vụ chịu là 7.135.440 đồng (bảy triệu một trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm bốn chục đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.348.600 đồng (ba triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm đồng) cho bà Lê Thị Kim T theo biên lai thu số 0002816 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện P;
- Chi cục THA DS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương